

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2020/DS-PT

Ngày 14-12-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Lệ Hương;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Lộc Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2020/TLPT-DS, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 77/2020/QĐ-PT, ngày 09-11-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2020/QĐ-PT, ngày 20-11-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H; địa chỉ: Số nhà 15, đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th; địa chỉ: Số nhà 28, đường 19/8, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Ông Nông Phúc H; địa chỉ: Số nhà 15, đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Phúc Hải: Bà Nguyễn Thị Kim H; địa chỉ: Số nhà 15, đường C, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (được ủy quyền theo Hợp đồng ủy quyền ngày 16-11-2020), có mặt;

2. Bà Nguyễn Thu H; địa chỉ: Số 05, ngõ 167, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

- *Người làm chứng*

1. Chị Lăng Thị Hồng Nh, vắng mặt;
2. Chị Nguyễn Thị T, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
3. Chị Lê Thị H, vắng mặt;
4. Chị Nông Thị Thiên Tr, vắng mặt, có đơn từ chối tham gia tố tụng.

- *Người kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Th, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị Kim H có quan hệ quen biết nhau. Từ cuối năm 2013, chị Nguyễn Thị Th nhiều lần vay tiền bà Nguyễn Thị Kim H, có lần đã thanh toán, có lần chưa thanh toán. Ngày 09-7-2014 âm lịch (ngày, tháng thể hiện trong các tài liệu do đương sự giao nộp liên quan việc vay nợ đều là ngày âm lịch, nên sau đây chỉ ghi ngày, tháng và xác định là ngày âm lịch), chị Nguyễn Thị Th ký Giấy vay tiền với bà Nguyễn Thị Kim H, với nội dung chị Nguyễn Thị Th vay bà Nguyễn Thị Kim H 2.429.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời hạn vay 01 tháng (viết tắt là Giấy vay tiền);

Sau khi viết Giấy vay tiền, chị Nguyễn Thị Th không trả nợ nên ngày 02-9-2014, hai bên viết Bản cam kết trả nợ (viết tắt là Bản cam kết trả nợ), với nội dung chị Nguyễn Thị Th vay bà Nguyễn Thị Kim H 2.400.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 09-7-2014; bà Nguyễn Thị Kim H cho chị Nguyễn Thị Th 600.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị Th còn phải trả số tiền 1.800.000.000 đồng, với lộ trình trả nợ như sau:

- Từ ngày viết Bản cam kết trả nợ đến tháng 12 năm 2015, trả 500.000.000 đồng, mỗi tháng phải trả ít nhất 30.000.000 đồng, chậm nhất vào ngày 30 hằng tháng;

- Năm 2016, 2017, mỗi năm trả 500.000.000 đồng; mỗi tháng phải trả ít nhất 30.000.000 đồng, thời hạn trả chậm nhất vào ngày 30 hằng tháng;

- Đến tháng 12 năm 2018, trả 300.000.000 đồng còn lại, mỗi tháng phải trả ít nhất 20.000.000 đồng, chậm nhất vào ngày 30 hằng tháng;

Đồng thời, trong Bản cam kết trả nợ có ghi “*nếu chị Th không trả đúng như cam kết trả tiền thì bà H vẫn yêu cầu chị Th phải trả số tiền 2.400.000.000 đồng... như Giấy vay tiền ngày 9/07/2014*”.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Số tiền 2.429.000.000 đồng ghi trong Giấy vay tiền gồm 2.390.000.000 đồng nợ gốc của các lần vay, 30.000.000 đồng chị Nguyễn Thị Th mua vàng còn nợ lại, 5.000.000 đồng chị Nguyễn Thị Th vay hộ bà Nguyễn Thu H và 4.000.000 đồng nợ lãi. Sau khi viết Giấy vay tiền, chị Nguyễn Thị Th không trả nợ; ngày 02-9-2014, chị Nguyễn Thị Th xin bà Nguyễn Thị Kim H giảm một phần nợ gốc và

cam kết trả nợ số tiền còn lại theo lộ trình, nên bà đồng ý và hai bên viết Bản cam kết trả nợ. Ngay sau khi viết Bản cam kết trả nợ, chị Nguyễn Thị Th đã trả bà Nguyễn Thị Kim H 50.000.000 đồng. Thời gian sau, chị Nguyễn Thị Th cho em dâu là chị Lăng Thị Hồng Nh cầm tiền đến trả bà Nguyễn Thị Kim H một số lần. Tổng số tiền chị Nguyễn Thị Th đã trả là 238.400.000 đồng, được ghi trong sổ theo dõi của bà Nguyễn Thị Kim H, tuy nhiên, số tiền trả mỗi lần đều không đúng như số tiền ghi trong Bản cam kết trả nợ và không đủ trả nợ lãi.

Do đó, bà Nguyễn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Th phải trả bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 2.429.000.000 đồng theo Giấy vay tiền và 3.303.440.000 đồng tiền lãi. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Kim H đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi nói trên.

Chị Nguyễn Thị Th thừa nhận việc vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim H; thừa nhận số tiền vay và nội dung thỏa thuận về lãi, thời hạn, lộ trình trả nợ ghi tại Giấy vay tiền và Bản cam kết trả nợ; đồng thời xác nhận việc đã trả 50.000.000 đồng ngay sau khi viết Bản cam kết trả nợ như bà Nguyễn Thị Kim H đã trình bày. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị Th cho rằng đến ngày 23-12-2018, chị Nguyễn Thị Th đã trả bà Nguyễn Thị Kim H 1.775.000.000 đồng, thể hiện trên Phụ lục trả tiền nợ. Ngày 23-12-2018, sau khi chị Nguyễn Thị T nhận số tiền 50.000.000 đồng với chị Lăng Thị Hồng Nh thì bà Nguyễn Thị Kim H nói là chị đã trả hết nợ, đồng thời bà Nguyễn Thị Kim H xé bản gốc Phụ lục trả tiền nợ. Do đó, chị Nguyễn Thị Th chỉ đồng ý trả bà Nguyễn Thị Kim H 25.000.000 đồng còn lại.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Nông Phúc H trình bày ông chỉ nghe bà Nguyễn Thị Kim H nói lại việc cho chị Nguyễn Thị Th vay số tiền 2.429.000.000 đồng; ông không biết và không được ký vào bản Phụ lục trả tiền nợ. Số tiền cho vay là tiền kinh doanh của gia đình, nên ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H.

Bà Nguyễn Thu H trình bày khoảng cuối năm 2013, bà có nhờ chị Nguyễn Thị Th vay bà Nguyễn Thị Kim H 5.000.000 đồng; sau khoảng 04 đến 05 tháng, bà Nguyễn Thu H đã trả đủ nợ gốc và nợ lãi cho bà Nguyễn Thị Kim H. Chị Nguyễn Thị Th vay tiền bà Nguyễn Thị Kim H theo Giấy vay tiền và Bản cam kết trả nợ không liên quan đến bà, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị H trình bày: Ngày 02-9-2014, khi đến cửa hàng vàng bạc của bà Nguyễn Thị Kim H để mua vàng, thì chị được nhờ viết Bản cam kết trả nợ. Nội dung Bản cam kết trả nợ do chị Nguyễn Thị Th đọc cho chị viết, lập thành hai bản có nội dung giống nhau, trong đó, chị Lê Thị H ký làm chứng vào 01 bản. Ngoài ra, chị Lê Thị H xác định còn được ký tên làm chứng vào giấy theo dõi trả tiền do bà Nguyễn Thị Kim H viết, nhưng chị không rõ nội dung; chị Lê Thị H không biết chị Nguyễn Thị Th trả nợ bà Nguyễn Thị Kim H như thế nào.

Chị Lăng Thị Hồng Nh trình bày: Chị Lăng Thị Hồng Nh là em dâu của chị Nguyễn Thị Th; chị không nhớ cụ thể từ thời gian nào, hằng tháng, vào ngày cuối tháng, chị Nguyễn Thị Th có nhờ chị cầm tiền trả cho bà Nguyễn Thị Kim

H, mỗi lần trả số tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng; mỗi lần đến trả tiền, chị đều đưa Phụ lục trả tiền nợ để bà Nguyễn Thị Kim H ký xác nhận; nếu bà Nguyễn Thị Kim H vắng nhà thì ông Nông Phúc H hoặc chị Nguyễn Thị T nhận tiền và ký xác nhận.

Ngày 23-12-2018, chị Lăng Thị Hồng Nh nhận của chị Nguyễn Thị Th 50.000.000 đồng để trả bà Nguyễn Thị Kim H. Khi trả tiền, chị Nguyễn Thị T nhận, đếm tiền và cất vào tủ; chị Lăng Thị Hồng Nh đưa bản gốc Phụ lục trả tiền nợ để bà Nguyễn Thị Kim H ký xác nhận thì đã bị bà Nguyễn Thị Kim H xé bỏ. Ngày 30-12-2018, chị Nguyễn Thị Th tiếp tục đưa cho chị số tiền 25.000.000 đồng để trả cho bà Nguyễn Thị Kim H và đề nghị bà Nguyễn Thị Kim H ký xác nhận đã trả hết nợ, nhưng bà Nguyễn Thị Kim H không nhận tiền và không ký xác nhận.

Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị là nhân viên làm việc tại cửa hàng của bà Nguyễn Thị Kim H từ năm 2012; Giấy vay tiền giữa chị Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị Kim H do chị viết; thời gian sau, chị thấy em dâu của chị Nguyễn Thị Th đến trả tiền cho bà Nguyễn Thị Kim H, nhưng chị không biết trả bao nhiêu lần, mỗi lần trả bao nhiêu tiền. Ngày 23-12-2018, chị Lăng Thị Hồng Nh có trả bà Nguyễn Thị Kim H 50.000.000 đồng, số tiền này sau khi nhận, bà Nguyễn Thị Kim H đưa cho chị đếm, sau đó bà Nguyễn Thị Kim H tự ghi vào sổ theo dõi.

Tại cấp phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Th yêu cầu Tòa án triệu tập chị Nông Thị Thiên Tr, là con của bà Nguyễn Thị Kim H tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng. Tuy nhiên, trong văn bản gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, chị Nông Thị Thiên Tr xác định không được chứng kiến việc chị Nguyễn Thị Th trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim H; nội dung trao đổi qua điện thoại hoặc gửi tin nhắn qua điện thoại với chị Nguyễn Thị Th chỉ dựa trên thông tin về việc vay nợ do chị Nguyễn Thị Th kể.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 21-8-2020 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 01/2020/QĐ-SCBSBA ngày 01-9-2020, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H; buộc chị Nguyễn Thị Th trả cho bà Nguyễn Thị Kim H 2.379.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm bảy mươi chín triệu đồng) nợ gốc;

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim H đòi 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) nợ gốc do chị Nguyễn Thị Th đã thanh toán; không xem xét, giải quyết về nợ lãi do bà Nguyễn Thị Kim H đã rút yêu cầu;

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 26-8-2020, chị Nguyễn Thị Th kháng cáo Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 21-8-2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn và đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H;

Cùng với đơn kháng cáo, chị Nguyễn Thị Th có đơn đề nghị cấp phúc thẩm trưng cầu giám định đối với bản ảnh Phụ lục trả tiền nợ được lưu trong USB để xác định bản ảnh có được chụp từ bản gốc không; chữ ký, chữ viết trên bản ảnh Phụ lục trả tiền nợ có phải chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nông Phúc H, chị Nguyễn Thị T không.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Th thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, xác định chị Nguyễn Thị Th đã trả bà Nguyễn Thị Kim H 1.775.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ 25.000.000 đồng; đồng thời, chị Nguyễn Thị Th đề nghị cấp phúc thẩm trưng cầu giám định nội dung nêu trên và đề nghị hoãn phiên tòa cho đến khi có kết luận giám định.

Bà Nguyễn Thị Kim H không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th; đồng thời, bà Nguyễn Thị Kim H xác định Bản cam kết trả nợ không thay thế Giấy vay tiền; bà Nguyễn Thị Kim H chỉ đồng ý cho chị Nguyễn Thị Th 600.000.000 đồng nếu chị Nguyễn Thị Th trả nợ đúng lộ trình đã cam kết, ngoài ra, chị Nguyễn Thị Th vẫn phải trả nợ lãi 2%/tháng như thỏa thuận tại Giấy vay tiền. Tuy nhiên, thực tế chị Nguyễn Thị Th không trả nợ như cam kết nên bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu trả nợ theo Giấy vay tiền.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Th kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, do đó, kháng cáo là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Th thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị cấp phúc xác nhận chị Nguyễn Thị Th đã trả bà Nguyễn Thị Kim H 1.775.000.000 đồng và nhận trách nhiệm trả nợ số tiền còn lại là 25.000.000 đồng.

Về giải quyết nội dung kháng cáo: Do có quan hệ quen biết nên chị Nguyễn Thị Th đã nhiều lần vay tiền bà Nguyễn Thị Kim H. Ngày 02-9-2014, hai bên lập Bản cam kết trả nợ, chị Lê Thị H là người viết giấy, nội dung thỏa thuận chị Nguyễn Thị Th trả bà Nguyễn Thị Kim H 1.800.000.000 đồng, nếu không trả đúng cam kết thì phải trả nợ theo Giấy vay tiền ngày 09-7-2014; cùng ngày, chị Nguyễn Thị Th đã trả bà Nguyễn Thị Kim H 50.000.000 đồng nợ gốc. Quá trình trả nợ, chị Nguyễn Thị Th không thực hiện đúng cam kết, do đó, Bản án sơ thẩm buộc chị Nguyễn Thị Th trả cho bà Nguyễn Thị Kim H 2.379.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp nội dung cam kết tại Giấy vay tiền và Bản cam kết trả nợ; phù hợp lời khai của chị Lê Thị H, chị Nguyễn Thị T.

Chị Nguyễn Thị Th xác định đã trả bà Nguyễn Thị Kim H đủ 1.800.000.000 đồng, mỗi lần trả đều có chữ ký xác nhận trên bản Phụ lục trả tiền nợ, nhưng ngày 23-12-2018, bản gốc Phụ lục trả tiền nợ đã bị xé; quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Th nộp bản photocopy Phụ lục trả tiền nợ, nhưng bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nông Phúc H và chị Nguyễn Thị T không thừa nhận

chữ viết, chữ ký của mình; Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên bản ảnh và bản photocopy Phụ lục trả tiền nợ, nhưng Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn từ chối thực hiện giám định; cấp phúc thẩm đã có văn bản hỏi cơ quan có thẩm quyền giám định, nhưng các cơ quan đều trả lời không tiếp nhận giám định.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 21-8-2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự, người làm chứng: Ông Nông Phúc H vắng mặt, nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt tại phiên tòa; bà Nguyễn Thu H, chị Nguyễn Thị T, chị Nông Thị Thiên Tr, chị Lăng Thị Hồng Nh, chị Lê Thị H vắng mặt, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Phiên tòa ngày 14-12-2020 là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do đó, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2] Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th về việc trưng cầu giám định và hoàn phiên tòa cho đến khi có kết luận giám định: Tại cấp sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Th đã nộp 01 USB và có đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định với nội dung bản ảnh chụp Phụ lục trả tiền nợ lưu trong USB có bị chỉnh sửa, cắt ghép không; chữ ký, chữ viết trên bản ảnh Phụ lục trả tiền nợ có phải chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nông Phúc H và chị Nguyễn Thị T không (trong đơn có yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của từng người, tại từng dòng cụ thể);

[3] Ngày 07-7-2020, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn thực hiện giám định đối với nội dung chị Nguyễn Thị Th yêu cầu; tại Công văn số 168/PC09 ngày 13-7-2020 và Công văn số 177/PC09 ngày 14-7-2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn đã từ chối giám định và hoàn trả lại mẫu vật giám định;

[4] Sau khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã có Công văn trao đổi với Phòng Giám định Kỹ thuật hình sự, Bộ Quốc phòng, Viện Khoa học hình sự Bộ Công an, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn về việc thực hiện giám định theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th. Tuy nhiên, Phòng Giám định Kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng và Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn đều có văn bản trả lời với nội dung các cơ quan nói trên không tiếp nhận giám định do không có giám định viên và tài liệu không đủ điều kiện cần thiết để giám định viên nghiên cứu, đưa ra kết luận giám định. Đến ngày xét xử phúc thẩm, Viện Khoa học hình sự, Bộ Công an chưa có văn bản trả lời, tuy nhiên, hồ sơ vụ án có Thông báo số 624/C54-P5 ngày 30-5-2016 của Viện Khoa học hình sự, về việc không nhận giám định chữ ký, chữ viết sao

chụp. Ngày 13-11-2020, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã thông báo không quyết định trưng cầu giám định theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Th. Do đó, việc chị Nguyễn Thị Th tiếp tục yêu cầu trưng cầu giám định và đề nghị hoãn phiên tòa đến khi có kết luận giám định là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về việc thay đổi nội dung kháng cáo: Tại đơn kháng cáo ngày 26-8-2020, chị Nguyễn Thị Th yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm, đồng thời yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Th yêu cầu cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, xác nhận chị Nguyễn Thị Th đã trả bà Nguyễn Thị Kim H 1.775.000.000 đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 294 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th về việc đề nghị công nhận chị Nguyễn Thị Th đã trả bà Nguyễn Thị Kim H 1.775.000.000 đồng, chỉ còn nợ 25.000.000 đồng, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Th và bà Nguyễn Thị Kim H đều thừa nhận chị Nguyễn Thị Th vay tiền bà Nguyễn Thị Kim H nhiều lần, có lần đã trả, có lần chưa trả; và hai bên thừa nhận số tiền, nội dung thỏa thuận ghi tại Giấy vay tiền và Bản cam kết trả nợ là đúng sự thật.

[7] Về số tiền cho vay: Bà Nguyễn Thị Kim H cho rằng số tiền 2.429.000.000 đồng gồm tổng tiền nợ gốc của nhiều lần vay chưa trả và 4.000.000 đồng nợ lãi; chị Nguyễn Thị Th cho rằng trong số tiền 2.429.000.000 đồng có cả nợ lãi, nhưng chị Nguyễn Thị Th không tự theo dõi nên không biết số nợ lãi là bao nhiêu.

[8] Xét thấy, trước khi khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Kim H đã có đơn tố cáo chị Nguyễn Thị Th về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp cho Cơ quan điều tra sổ theo dõi số tiền cho chị Nguyễn Thị Th vay. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Th thừa nhận chữ ký của chị Nguyễn Thị Th tại sổ theo dõi do bà Nguyễn Thị Kim H nộp (BL89-95), theo đó, tổng số tiền chị Nguyễn Thị Th vay của bà Nguyễn Thị Kim H là 2.390.000.000 đồng, cụ thể ngày 25-12-2013 vay 540.000.000 đồng, ngày 28-12-2013 vay 500.000.000 đồng, ngày 04-02-2014 vay 200.000.000 đồng, ngày 21-4-2014 vay 400.000.000 đồng, ngày 25-4-2014 vay 250.000.000 đồng, ngày 02-7-2014 vay 100.000.000 đồng, ngày 30-6-2014 vay 100.000.000 đồng và ngày 04-7-2014 vay 300.000.000 đồng;

[9] Đồng thời, tại Cơ quan điều tra, chị Nguyễn Thị Th nộp tài liệu thể hiện tổng số nợ gốc là 2.390.000.000 đồng; số nợ lãi chưa trả, tương ứng với từng khoản vay nói trên tính đến ngày 09 tháng 7 (không ghi năm), tổng số nợ lãi là 39.687.000 đồng (BL112). Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Th xác định chị Nguyễn Thị T là người viết bản tổng hợp lãi nói trên; bà Nguyễn Thị Kim H thừa nhận chữ viết, chữ số là do chị Nguyễn Thị T viết. Do đó, có cơ

sở xác định trong tổng số tiền 2.429.000.000 đồng ghi tại Giấy vay tiền, có 2.390.000.000 đồng là nợ gốc và 39.000.000 đồng là nợ lãi. Cấp sơ thẩm xác định toàn bộ số tiền 2.429.000.000 đồng là nợ gốc buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả bà Nguyễn Thị Kim H là chưa chính xác.

[10] Về việc trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Th xác định ngày 02-9-2014, sau khi ký Bản cam kết trả nợ, chị đã trả bà Nguyễn Thị Kim H 50.000.000 đồng nợ gốc; các tháng tiếp theo, chị Nguyễn Thị Th đều trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim H, tuy nhiên, từ cuối năm 2014 đến hết năm 2016, do khó khăn nên mỗi tháng chỉ trả được từ 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; đến ngày 23-12-2018, chị Nguyễn Thị Th đã trả bà Nguyễn Thị Kim H 1.775.000.000 đồng, thể hiện tại bản Phụ lục trả tiền nợ.

[11] Bà Nguyễn Thị Kim H cho rằng từ khi viết Giấy vay tiền, chị Nguyễn Thị Th chỉ trả được tổng số tiền 238.400.000 đồng, trong đó bao gồm 50.000.000 đồng trả ngày 02-9-2014. Do chị Nguyễn Thị Th trả nợ không đúng cam kết nên bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu chị Nguyễn Thị Th trả tiền theo Giấy vay tiền, số tiền đã trả được trừ vào nợ lãi; bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nông Phúc H và chị Nguyễn Thị T không thừa nhận số tiền chị Nguyễn Thị Th cho là đã trả thể hiện tại Phụ lục trả tiền nợ và không thừa nhận chữ viết, chữ ký trên Phụ lục trả tiền nợ.

[12] Xét thấy, chị Nguyễn Thị Th cho rằng bà Nguyễn Thị Kim H đã xé bản gốc Phụ lục trả tiền nợ, nhưng không có căn cứ để chứng minh; các đương sự, người làm chứng không thừa nhận chữ ký, chữ viết trên Phụ lục trả tiền nợ; quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Th nộp bản photocopy, bản ảnh Phụ lục trả tiền nợ chụp từ điện thoại di động, nhưng việc trưng cầu giám định để xác định ảnh có được chụp từ bản gốc hay không, và giám định chữ ký, chữ viết trên bản ảnh không thực hiện được. Do đó, bản Phụ lục trả tiền nợ do chị Nguyễn Thị Th giao nộp không được xác định là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[13] Tại Bản cam kết trả nợ, các bên thỏa thuận “*nếu chị Th không trả đúng như cam kết trả tiền thì bà H vẫn yêu cầu chị Th phải trả số tiền ... như giấy vay tiền ngày 9/07/2014*”; đồng thời bà Nguyễn Thị Kim H thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng chị Nguyễn Thị Th trả ngày 02-9-2014 là trả nợ gốc. Do đó, số tiền nợ gốc chị Nguyễn Thị Th còn phải trả bà Nguyễn Thị Kim H là 2.340.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Th kháng cáo, đề nghị xác nhận đã trả nợ tổng số tiền 1.775.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 25.000.000 đồng là không có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[14] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 2.340.000.000 đồng, do đó, chị Nguyễn Thị Th phải chịu 78.800.000 đồng án phí; phần yêu cầu về nợ gốc bà Nguyễn Thị Kim H không được chấp nhận là 89.000.000 đồng, do đó, bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 4.450.000 đồng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[15] Về án phí phúc thẩm: Cấp phúc thẩm sửa một phần Bản án sơ thẩm, do đó, chị Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[16] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Nguyễn Thị Th; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2020/DS-ST ngày 21-8-2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, khoản 1 Điều 466, Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về nghĩa vụ trả nợ và trả lãi chậm trả

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H; buộc chị Nguyễn Thị Th phải trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 2.340.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm

- Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 4.450.000 đồng (bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 56.747.000 đồng (năm mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 1809, ngày 02-3-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn; xác nhận bà Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 52.297.000 đồng (năm mươi hai triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 78.800.000 đồng (bảy mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Th 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 1964, ngày 07-9-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Quyết định của Bản án sơ thẩm về yêu cầu nợ lãi không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện H, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện H, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Lệ Hường